

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**

**MỘT SỐ NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHUẨN  
BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

*Hà nội -2017*

## **NHÓM TÁC GIẢ**

PGS.TS HOÀNG VĂN MINH

PGS.TS VŨ THỊ HOÀNG LAN

PGS.TS. HỒ THỊ HIỀN

TS. BÙI THỊ TÚ QUYÊN

TS. LÊ THỊ HẢI HÀ

TS. NGUYỄN QUỲNH ANH

THS.NGUYỄN THU HÀ

## MỤC LỤC

<b>I. GIỚI THIỆU .....</b>	<b>5</b>
<b>II. PHẠM VI ÁP DỤNG .....</b>	<b>6</b>
<b>III. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHUẨN BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....</b>	<b>6</b>
<b>A. NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHUẨN BÁO CÁO NGHIÊN CỨU QUAN SÁT DỊCH TỄ HỌC.....</b>	<b>6</b>
1. Tiêu đề.....	6
2. Tóm tắt .....	6
3. Đặt vấn đề .....	6
4. Phương pháp .....	7
5. Đạo đức nghiên cứu;.....	9
6. Kết quả: Cần được trình bày theo mục tiêu nghiên cứu .....	9
7. Bàn luận .....	10
8. Các thông tin khác .....	11
<b>B. NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHUẨN BÁO CÁO CÁC PHÂN TÍCH THỐNG KÊ .....</b>	<b>11</b>
1. Nguyên tắc chung.....	11
2. Phân tích sơ bộ.....	12
3. Phân tích cơ bản .....	12
4. Phân tích bổ sung.....	12
5. Trình bày các con số và thống kê mô tả.....	13
6. Trình bày các đo lường nguy cơ (risk), tỷ suất (rates) và tỷ số (ratio) .....	13
7. Trình bày kiểm định giả thuyết thống kê.....	13
8. Trình bày phân tích các yếu tố liên quan .....	14
9. Trình bày kết quả phân tích tương quan .....	14
10. Trình bày phân tích hồi quy .....	15
11. Trình bày phân tích phương sai (ANOVA) hay hiệp phương sai (ANCOVA).....	16
12. Trình bày kết quả phân tích sống còn .....	16
<b>C. NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHUẨN BÁO CÁO NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH.....</b>	<b>17</b>
1. Nguyên tắc chung.....	18
2. Áp dụng và một số lưu ý với chuẩn báo cáo nghiên cứu định tính .....	21
<b>D. NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHUẨN BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TRONG NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH.....</b>	<b>22</b>
1. Giới thiệu .....	22

2. Cấu trúc và các lưu ý khi viết báo cáo nghiên cứu trường hợp định tính .....	23
3. Lưu ý khi áp dụng chuẩn của nghiên cứu trường hợp định tính .....	28
<b>E. NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHUẨN BÁO CÁO PHÂN TÍCH CHI PHÍ DỊCH VỤ Y TẾ</b>	<b>29</b>
1. Tiêu đề .....	29
2. Tóm tắt .....	29
3. Đặt vấn đề và mục tiêu .....	29
4. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu .....	29
5. Kết quả nghiên cứu .....	32
6. Bàn luận .....	32
7. Kết luận .....	33
8. Khuyến nghị .....	33
<b>F. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>33</b>

## I. GIỚI THIỆU

Nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng các báo cáo nghiên cứu khoa học và hướng tới các chuẩn mực quốc tế về nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Y tế Công cộng ban hành tài liệu ***“Một số nguyên tắc và tiêu chuẩn báo cáo nghiên cứu khoa học”***. Tài liệu này được xây dựng dựa trên các khuyến cáo về phương pháp nghiên cứu, nguyên tắc và tiêu chuẩn báo cáo của một số loại hình nghiên cứu khoa học sức khỏe phổ biến được cộng đồng các nhà khoa học trên thế giới công nhận cũng như được áp dụng tại phần lớn các tạp chí có phản biện quốc tế.

Tài liệu ***“Một số nguyên tắc và tiêu chuẩn báo cáo nghiên cứu khoa học”*** KHÔNG PHẢI là tài liệu HƯỚNG DẪN HAY QUY ĐỊNH VỀ CẤU TRÚC, ĐỊNH DẠNG của một báo cáo nghiên cứu khoa học mà đề cập đến NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA NGHIÊN CỨU CẦN ĐƯỢC BÁO CÁO một cách chi tiết và rõ ràng để giúp cho người đọc có thể hiểu rõ về nghiên cứu cũng như có thể đánh giá tính giá trị và tin cậy của nghiên cứu. Nói cách khác, đây là những yêu cầu tối thiểu về mặt khoa học đối với các báo cáo nghiên cứu. Tác giả của các báo cáo nghiên cứu khoa học còn cần tuân thủ quy định về cấu trúc, định dạng hay các quy định khác do cơ quan quản lý hoặc nhà tài trợ yêu cầu (ví dụ cần có thêm các nội dung khác hoặc các chi tiết khác theo quy định).

Tài liệu này cũng là cơ sở cho việc thống nhất về phương pháp nghiên cứu và phương pháp báo cáo các nghiên cứu khoa học tại Trường đại học Y tế Công cộng. Các nguyên tắc và tiêu chuẩn được đưa ra cũng là nguồn tham khảo chính thức có thể sử dụng trong quá trình chuẩn bị, đánh giá các luận án, luận văn, khóa luận cũng như các bài báo khoa học của Trường Đại học Y tế Công cộng.

Đến thời điểm hiện tại, tài liệu này mới chỉ bao gồm nguyên tắc và tiêu chuẩn cho:

- A) Báo cáo nghiên cứu quan sát dịch tễ học;***
- B) Báo cáo các phân tích thống kê;***
- C) Báo cáo nghiên cứu định tính;***
- D) Báo cáo nghiên cứu trường hợp trong nghiên cứu định tính;***
- E) Báo cáo nghiên cứu phân tích chi phí dịch vụ y tế.***

Nguyên tắc và tiêu chuẩn báo cáo cho các thiết kế nghiên cứu khác, các lĩnh vực nghiên cứu khác sẽ được bổ sung trong thời gian tới.

Tài liệu “*Một số nguyên tắc và tiêu chuẩn báo cáo nghiên cứu khoa học*” sẽ được rà soát và điều chỉnh hàng năm để đảm bảo tính cập nhật, đầy đủ và sự phù hợp với điều kiện thực tế các công trình nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Y tế Công cộng.

## **II. PHẠM VI ÁP DỤNG**

Tài liệu “*Một số nguyên tắc và tiêu chuẩn báo cáo nghiên cứu khoa học*” được áp dụng chính thức đối với việc đánh giá các đề cương, báo cáo các công trình nghiên cứu khoa học của trường Đại học Y tế Công cộng hỗ trợ kinh phí kể từ tháng 6 năm 2017. Đây cũng là nguồn tài liệu tham khảo chính thức mà các học viên, sinh viên của trường Đại học Y tế Công cộng có thể sử dụng trong quá trình làm luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp.

## **III. MỘT SỐ NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHUẨN BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

### **A. NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHUẨN BÁO CÁO NGHIÊN CỨU QUAN SÁT DỊCH TỄ HỌC**

Nguyên tắc và tiêu chuẩn báo cáo nghiên cứu quan sát dịch tễ học được xây dựng dựa trên khuyến cáo quốc tế “TĂNG CƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO CÁC NGHIÊN CỨU QUAN SÁT DỊCH TỄ HỌC” (Strengthening the Reporting of Observational Studies in Epidemiology/ STROBE)([1-4](#))<sup>1</sup>.

Các nghiên cứu quan sát dịch tễ học được đề cập bao gồm nghiên cứu cắt ngang, nghiên cứu bệnh chứng và nghiên cứu thuần tập. Các tiêu chuẩn chính của các báo cáo nghiên cứu quan sát dịch tễ học bao gồm:

#### **1. Tiêu đề**

Nếu có thể, nên đưa thuật ngữ chỉ ra thiết kế của nghiên cứu vào tiêu đề.

#### **2. Tóm tắt**

Viết tóm tắt báo cáo theo định dạng có cấu trúc, bao gồm các phần như 1) Bối cảnh, 2) Mục tiêu, 3) Thiết kế nghiên cứu; 4) Địa bàn nghiên cứu, 5) Đối tượng nghiên cứu; 6) Đo lường, 7) Kết quả, 8) Hạn chế, 9) Kết luận và khuyến nghị.

#### **3. Đặt vấn đề**

- Bối cảnh nghiên cứu: Giải thích bối cảnh và lý do tiến hành nghiên cứu
- Mục tiêu: Trình bày các mục tiêu cụ thể của nghiên cứu. Mục tiêu nghiên cứu cần chỉ ra được đối tượng nghiên cứu, các yếu tố phơi nhiễm, yếu tố kết quả và các

---

<sup>1</sup> Nhóm tác giả: PGS.TS. Hoàng Văn Minh, PGS.TS. Vũ Thị Hoàng Lan, TS. Bùi Thị Tú Quyên

tham số nghiên cứu. Mục tiêu nghiên cứu có thể được viết dưới dạng các giả thuyết nghiên cứu.

#### **4. Phương pháp**

##### **a) Thiết kế nghiên cứu**

- Trình bày rõ thiết kế nghiên cứu là nghiên cứu cắt ngang, nghiên cứu bệnh chứng hay nghiên cứu thuần tập. Nếu thiết kế nghiên cứu là dạng đặc biệt của ba thiết kế chính kể trên (ví dụ như nghiên cứu bệnh - bắt chéo [case-crossover design] là dạng đặc biệt của thiết kế nghiên cứu bệnh – chứng) thì cần mô tả chi tiết thiết kế nghiên cứu đặc biệt đó.
- Đối với các nghiên cứu cắt ngang, KHÔNG dùng thuật ngữ “tiền cứu” hoặc “hồi cứu” khi nói đến thiết kế nghiên cứu vì các thuật ngữ này không được định nghĩa rõ ràng và thường gây ra nhiều tranh cãi. Thuật ngữ “tiền cứu” hoặc “hồi cứu” thường được mô tả trong phần phương pháp thu thập số liệu.

##### **b) Địa điểm và thời gian nghiên cứu**

- Mô tả chi tiết địa điểm nghiên cứu, ví dụ như tỉnh nào, huyện nào, xã nào, bệnh viện nào...
- Mô tả chi tiết quá trình nghiên cứu theo thời gian bao gồm các giai đoạn như tuyển chọn, theo dõi và thời gian thu thập số liệu. NÊU RÕ ngày bắt đầu và ngày kết thúc từng giai đoạn.

##### **c) Đối tượng nghiên cứu**

- Cần mô tả QUẦN THỂ NGHIÊN CỨU từ đó các đối tượng nghiên cứu được chọn vào nghiên cứu. Quần thể nghiên cứu thường được mô tả dựa trên các đặc điểm nhân khẩu học, đặc điểm lâm sàng và một số đặc điểm khác.
- Cần nêu rõ tiêu chuẩn lựa chọn về tuổi, giới, chẩn đoán, bệnh kèm theo và các đặc điểm khác của đối tượng nghiên cứu. Có thể chia ra tiêu chuẩn lựa chọn hoặc tiêu chuẩn loại trừ đối tượng nghiên cứu mặc dù việc phân thành 2 loại tiêu chuẩn nêu trên đôi khi không rõ ràng và không thực sự cần thiết (do có thể bị lặp lại).
- *Nghiên cứu thuần tập*: Cần nêu ra những tiêu chí lựa chọn đối tượng nghiên cứu, nguồn tuyển chọn và phương pháp lựa chọn đối tượng nghiên cứu. Mô tả chi tiết phương pháp theo dõi đối tượng nghiên cứu.
- *Nghiên cứu bệnh - chứng*: Cần nêu ra những tiêu chí lựa chọn đối tượng nghiên cứu, nguồn tuyển chọn và phương pháp lựa chọn bệnh và chứng. Mô tả chi tiết cơ

sở và phương pháp lựa chọn bệnh và chứng, các tiêu chí để ghép cặp với nhóm chứng.

- *Nghiên cứu cắt ngang*: Cần nêu ra những tiêu chí lựa chọn đối tượng nghiên cứu, nguồn tuyển chọn và phương pháp lựa chọn đối tượng nghiên cứu.

#### ***d) Biến số***

- Định nghĩa rõ ràng tất cả các biến kết quả đầu ra, biến phơi nhiễm, biến dự báo, các biến nhiễu tiềm tàng, các biến tương tác.
- Mô tả tiêu chuẩn chẩn đoán đối với các biến kết quả đầu ra nếu có.
- Đối với các mô hình đa biến, nên dùng thuật ngữ “biến độc lập”, không nên sử dụng thuật ngữ “biến giải thích” vì thuật ngữ này đề cập đến cả phơi nhiễm và nhiễu.
- Cần báo cáo tất cả các biến số, bao gồm cả những biến không được đưa vào mô hình cuối cùng (có thể đưa vào phụ lục).

#### ***e) Nguồn số liệu và phương pháp, công cụ đo lường***

- Đối với mỗi biến số, cần mô tả rõ nguồn số liệu hoặc phương pháp, công cụ đo lường. Cần đề cập đến tính giá trị (validity) và độ tin cậy (reliability) của các phương pháp, công cụ đo lường. Không đơn thuần chỉ nêu các tài liệu tham khảo đề cập đến tính giá trị (validity) và độ tin cậy (reliability) của các phương pháp, công cụ đo lường mà cần đưa ra các bằng chứng về tính giá trị (validity) và độ tin cậy (reliability) của các phương pháp, công cụ đo lường trong nghiên cứu đang được đề cập.
- Cần mô tả sự tương đồng về phương pháp đo lường nếu có nhiều nhóm đối tượng nghiên cứu khác nhau.

#### ***f) Sai số (sai số hệ thống, ngẫu nhiên) và nhiễu***

Trình bày các sai số (sai số hệ thống, ngẫu nhiên) và yếu tố nhiễu tiềm tàng và các biện pháp hạn chế sai số và các yếu tố nhiễu đó. Ý nghĩa/hậu quả có thể có của các sai số và các yếu tố nhiễu này lên kết quả nghiên cứu

#### ***g) Cỡ mẫu***

- Cần giải thích cơ sở và phương pháp tính toán cỡ mẫu (kể cả nếu phải sử dụng phương pháp gia quyền (weight) trong tính toán cỡ mẫu).
- Trong trường hợp phân tích số liệu thứ cấp thì cần nêu rõ mẫu nghiên cứu và cần xem phần các kết quả nghiên cứu đạt được có ý nghĩa hay không.



- Trong một số trường hợp, cần nêu rõ xem cỡ mẫu nghiên cứu có đủ lực mẫu để phát hiện sự khác biệt không

#### ***h) Phương pháp xử lý các biến định lượng***

- Cần giải thích phương pháp xử lý các biến số định lượng ví dụ như trình bày cơ sở của việc chuyển các biến định lượng thành các biến thứ hạng (số nhóm, điểm cắt). Đối với các biến số quan trọng, nên trình bày cả các phân tích khi biến số định lượng được để nguyên dạng và sau khi chuyển đổi.
- Trình bày phương pháp chuyển dạng số liệu định lượng (để chuyển từ phân bố lệch về phân bố chuẩn) và lý do.

#### ***i) Phương pháp thống kê***

- Cần mô tả tất cả các phương pháp thống kê đã sử dụng, bao gồm cả những phương pháp không chế các yếu tố nhiễu.
- Nếu có các phân tích tương tác, cần mô tả phương pháp dùng trong phân tích tương tác giữa các biến số (interaction). Nêu rõ biến tương tác được tạo ra thế nào. Nên tạo ra biến tương tác theo cách đưa 2 biến có 2 giá trị thành 1 biến có 4 giá trị (a-b-, a-b+, a+b-, và a+b+).
- Cần mô tả phương pháp xử lý các số liệu bị thiếu (missing)
- *Nghiên cứu thuần tập*: Mô tả phương pháp xử lý các trường hợp mất theo dõi (khi có các đối tượng bị mất theo dõi).
- *Nghiên cứu bệnh - chứng*: Mô tả phương pháp phân tích ghép cặp (khi kỹ thuật ghép cặp được áp dụng)
- *Nghiên cứu cắt ngang*: Mô tả phương pháp phân tích tương thích với kỹ thuật chọn mẫu (phân tích cụm khi chọn mẫu cụm được áp dụng)

#### ***g) Mô tả phân tích độ nhạy (nếu có)***

Khi có nghi ngờ có những sai lệch về kết quả nghiên cứu, nên đưa ra các giả định và đưa vào phân tích để thấy được sự thay đổi về kết quả tương ứng với các giả định khác nhau.

### ***5. Đạo đức nghiên cứu;***

Cần có mục đạo đức nghiên cứu, trong đó trình bày các vấn đề liên quan như quá trình tuyển đối tượng nghiên cứu, giấy đồng ý tham gia nghiên cứu, bảo mật thông tin, giấy phép của hội đồng đạo đức...

### ***6. Kết quả: Cần được trình bày theo mục tiêu nghiên cứu***

#### ***a) Đối tượng nghiên cứu***

- Cần báo cáo số lượng đối tượng nghiên cứu tại mỗi giai đoạn của nghiên cứu. Ví dụ: số lượng đối tượng nghiên cứu đáp ứng tiêu chí, số lượng đối tượng nghiên cứu được lựa chọn, số lượng đối tượng nghiên cứu theo dõi được qua từng thời điểm và số lượng đối tượng nghiên cứu được phân tích.
- Cần nêu rõ lý do không tham gia, mất đối tượng nghiên cứu.
- Nên mô tả sự thay đổi đối tượng nghiên cứu theo sơ đồ.

#### ***b) Thống kê mô tả***

- Cần mô tả đặc điểm của đối tượng tham gia nghiên cứu (đặc điểm nhân khẩu học, lâm sàng, xã hội) và các thông tin về phơi nhiễm và các yếu tố gây nhiễu tiềm tàng.
- Trình bày số lượng đối tượng bị thiếu thông tin (missing) đối với từng biến số.
- Nghiên cứu thuần tập: Mô tả tóm tắt thông tin về thời gian theo dõi, bao gồm tổng thời gian và trung bình/trung vị thời gian theo dõi (người-thời gian)

#### ***c) Kết quả đầu ra***

- *Nghiên cứu thuần tập*: Báo cáo số lượng các sự kiện xảy ra và mô tả sự xuất hiện các sự kiện qua thời gian
- *Nghiên cứu bệnh - chứng*: Báo cáo số lượng bệnh và chứng theo các nhóm biến phơi nhiễm
- *Nghiên cứu cắt ngang*: Báo cáo số lượng, tỷ lệ phần trăm của biến số kết quả đầu ra

#### ***d) Kết quả chính***

- Cần báo cáo con số thô, số hiệu chỉnh và khoảng tin cậy 95% (biến định tính). Giải thích rõ ràng về việc sử dụng các kết quả hiệu chỉnh.
- Cần báo cáo biên độ (giá trị thấp nhất-cao nhất), trung bình, trung vị của biến định lượng theo các nhóm.
- Nếu có thể, chuyển nguy cơ tương đối thành nguy cơ tuyệt đối trong 1 khoảng thời gian nào đó.

#### ***e) Phân tích khác***

Trình bày kết quả các phân tích khác như phân tích theo các nhóm nhỏ, phân tích sự tương tác, độ nhạy.

### **7. Bàn luận**

#### ***a) Kết quả chính***

Cần tóm tắt các kết quả chính theo mục tiêu nghiên cứu. Bàn luận về ý nghĩa của nghiên cứu, đóng góp cho y văn về lĩnh vực mà nghiên cứu đề cập.

***b) Hạn chế của nghiên cứu***

Cần nêu ra những hạn chế của nghiên cứu như những yếu tố có thể gây ra sai số. Bàn luận về xu hướng và độ lớn của các sai số tiềm tàng.

***c) Phiên giải***

- Cần nêu ra những giải thích có thể cho các kết quả nghiên cứu
- Cần so sánh với kết quả của các nghiên cứu khác
- Trình bày các bằng chứng khoa học có liên quan khác

***d) Khái quát hoá***

Cần bàn luận về khả năng khái quát của các kết quả nghiên cứu (giá trị ngoại suy hay khả năng áp dụng sang các địa bàn nghiên cứu khác)

***d) Kết luận và khuyến nghị***

Tóm tắt kết quả chính và khuyến nghị dựa trên các kết quả nghiên cứu

***8. Các thông tin khác***

- Nguồn tài trợ: Cần nêu rõ nguồn tài trợ và vai trò của nhà tài trợ trong nghiên cứu
- Các thông tin khác

***B. NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHUẨN BÁO CÁO CÁC PHÂN TÍCH THỐNG KÊ***

Tiêu chuẩn báo cáo các phân tích thống kê được xây dựng dựa trên khuyến cáo quốc tế “BÁO CÁO CÁC PHÂN TÍCH THỐNG KÊ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU” (Statistical Analyses and Methods in the Published Literature (SAMPL)(5, 6)<sup>2</sup>.

Các nguyên tắc và tiêu chuẩn chính của báo cáo các phân tích thống kê bao gồm:

***1. Nguyên tắc chung***

- *Nguyên tắc 1:* Mô tả chi tiết các phương pháp phân tích thống kê để “*những người có kiến thức thống kê cơ bản, nếu có số liệu, có thể kiểm chứng được các kết quả báo cáo*”. Trình bày các kết quả ước lượng khoảng, tránh việc chỉ dựa vào kiểm định giả thuyết thống kê, dựa vào giá trị **p** mà không quan tâm đến hệ số ảnh hưởng (effect size).
- *Nguyên tắc 2:* Cung cấp đầy đủ chi tiết để các phương pháp phân tích thống kê để có thể sử dụng trong các phân tích khác. Cần có các kết quả thống kê mô tả, nêu rõ tử số

---

<sup>2</sup>Nhóm tác giả: PGS.TS. Hoàng Văn Minh, PGS.TS. Vũ Thị Hoàng Lan, TS. Bùi Thị Tú Quyên

và mẫu số của các tỷ lệ phần trăm, tỷ số chênh (OR), nguy cơ tương đối (RR) và tỷ số nguy hại (HR).

## **2. Phân tích sơ bộ**

Nêu rõ các phương pháp phân tích sơ bộ (xử lý số liệu thô) như phương pháp chuyển dạng số liệu để đảm bảo tính chuẩn, tạo biến định tính từ biến định lượng hoặc gộp các nhóm biến định tính để có ít phân nhóm hơn.

## **3. Phân tích cơ bản**

- Mô tả mục tiêu phân tích thống kê.
- Nêu rõ các biến sử dụng trong phân tích và báo cáo thống kê mô tả của các biến này
- Nếu có thể, xác định sự khác biệt tối thiểu được coi là có ý nghĩa lâm sàng.
- Mô tả chi tiết phương pháp thống kê chính dùng trong phân tích số liệu đáp ứng mục tiêu chính của nghiên cứu
- Nêu rõ phương pháp thống kê được sử dụng cho từng phân tích, tránh việc chỉ liệt kê chung chung tất cả các phương pháp thống kê được sử dụng.
- Khẳng định sự phù hợp của số liệu đối với các phương pháp phân tích thống kê được dùng: *1) Số liệu có phân bố không chuẩn phải được phân tích bằng kiểm định phi tham số, 2) Số liệu ghép cặp phải được phân tích bằng các kiểm định ghép cặp, và 3) Mọi tương quan trong mô hình hồi quy tuyến tính phải là tuyến tính.*
- Nêu rõ (nếu có) các phân tích bổ sung và phương pháp hiệu chỉnh được dùng trong việc kiểm định nhiều giả thuyết trên cùng bộ số liệu.
- Trình bày phương pháp xử lý các số liệu quá lớn hoặc quá nhỏ (outliers) trong phân tích.
- Nêu rõ kiểm định hai phía hay một phía và nêu rõ lý do chọn kiểm định một phía.
- Nêu rõ ngưỡng alpha ( $\alpha$ ), mức ý nghĩa thống kê được chọn (ví dụ 0,05)
- Nêu rõ phần mềm thống kê sử dụng cho việc phân tích số liệu.

## **4. Phân tích bổ sung**

- Mô tả phương pháp phân tích bổ sung, ví dụ như phân tích độ nhạy, xử lý các số liệu bị thiếu (missing), hay kiểm tra các giả định (như tính chuẩn).
- Mô tả các phân tích không được dự kiến từ đầu ví dụ các phân tích theo các phân nhóm mới.

### **5. Trình bày các con số và thống kê mô tả**

- Trình bày các con số với độ chính xác phù hợp. Có thể làm tròn số cho dễ hiểu và đơn giản hơn. Ví dụ, tuổi của đối tượng nghiên cứu có thể được làm tròn đến số tuổi gần nhất mà không làm ảnh hưởng đến ý nghĩa phân tích thống kê hay lâm sàng.
- Trình bày tổng số mẫu nghiên cứu chung và số mẫu của từng phân nhóm
- Báo cáo tử số và mẫu số của các tỷ lệ phần trăm.
- Đối với số liệu có phân bố chuẩn hoặc gần chuẩn, báo cáo giá trị trung bình và độ lệch chuẩn (ĐLC). Sử dụng định dạng sau: *Trung bình (độ lệch chuẩn)*, không nên viết *Trung bình  $\pm$  độ lệch chuẩn*.
- Đối với số liệu có phân bố lệch (không chuẩn), báo cáo giá trị trung vị và khoảng phân vị. Báo cáo giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất chứ không chỉ đơn thuần là khoảng phân vị.
- KHÔNG sử dụng sai số chuẩn (SE) để mô tả độ biến thiên của bộ số liệu. Thay vào đó phải sử dụng độ lệch chuẩn, khoảng phân vị và giá trị nhỏ nhất, lớn nhất. (SE được dùng trong thống kê suy luận –tương đương khoảng tin cậy 68% - không dùng trong thống kê mô tả).
- Trình bày số liệu bằng bảng và biểu đồ phù hợp. Bảng thể hiện các con số chính xác và biểu đồ khái quát các giá trị của bộ số liệu.

### **6. Trình bày các đo lường nguy cơ (risk), tỷ suất (rates) và tỷ số (ratio)**

- Xác định rõ loại tỷ lệ (Tỷ lệ mới mắc; tỷ lệ sống còn), tỷ số (Tỷ số chênh), tỷ suất (tỷ suất nguy cơ), hay nguy cơ (Nguy cơ tuyệt đối, nguy cơ tương đối) sẽ cần báo cáo.
- Xác định tử số và mẫu số (Ví dụ số nam giới bị ung thư tuyến tiền liệt chia cho tổng số nam có khả năng bị ung thư tuyến tiền liệt).
- Xác định khoảng thời gian tính toán tỷ lệ
- Xác định đơn vị đo lường (nghĩa là đơn vị nhân, ví dụ: x 100; x 10.000)
- Báo cáo độ chính xác (dựa trên khoảng tin cậy) của các ước lượng nguy cơ, tỷ lệ, tỷ suất.

### **7. Trình bày kiểm định giả thuyết thống kê**

- Nêu rõ giả thuyết cần kiểm định.
- Xác định các biến cần phân tích và trình bày tham số thống kê mô tả của mỗi biến
- Nếu có thể, xác định sự khác biệt tối thiểu được coi là có ý nghĩa lâm sàng.

- Đối với các nghiên cứu tương đương (equivalent study) hay các nghiên cứu không hơn kém (non-inferiority), nêu rõ sự khác biệt lớn nhất giữa các nhóm được coi là tương đương.
- Nêu rõ tên kiểm định thống kê được dùng. Báo cáo kiểm định là một hay hai phía (nêu rõ lý do dùng kiểm định một phía). Nêu rõ kiểm định là độc lập hay ghép cặp.
- Chứng minh bộ số liệu phù hợp với các giả định của kiểm định.
- Nêu rõ ngưỡng alpha ( $\alpha$ ), mức ý nghĩa thống kê được chọn (ví dụ 0,05)
- Cần báo cáo về độ chính xác của đo lường (thường là khoảng tin cậy 95%)
- KHÔNG sử dụng sai số chuẩn (SE) để thể hiện độ chính xác của một ước lượng. SE bản chất là một khoảng tin cậy 68%: thay vào đó nên sử dụng khoảng tin cậy 95%.
- Dù không được sử dụng nhiều như các khoảng tin cậy, nhưng giá trị p cũng nên được báo cáo dưới dạng đẳng thức nếu có thể với giá trị làm tròn đến 1 hoặc 2 chữ số thập phân (Ví dụ  $p=0,03$ ; không trình bày dưới dạng bất đẳng thức như  $p<0,05$ ). KHÔNG báo cáo “Không có ý nghĩa thống kê NS-not significant” mà cần đưa ra giá trị p cụ thể. Giá trị p nhỏ nhất (ví dụ:  $p=0.000$ ) cần được báo cáo dưới dạng  $p<0,001$ , trừ các nghiên cứu liên quan đến di truyền.
- Nêu rõ (nếu có) các phân tích bổ sung và phương pháp hiệu chỉnh được dùng trong việc kiểm định nhiều giả thuyết trên cùng bộ số liệu.
- Nêu rõ phần mềm thống kê sử dụng cho việc phân tích số liệu.

#### **8. Trình bày phân tích các yếu tố liên quan**

- Mô tả mối liên quan được phân tích.
- Xác định các biến cần phân tích và trình bày tham số thống kê mô tả của mỗi biến
- Xác định loại kiểm định thống kê được sử dụng.
- Nêu rõ kiểm định hai phía hay một phía và nêu rõ lý do chọn kiểm định một phía
- Đối với kiểm định mối liên quan, báo cáo giá trị p của kiểm định
- Đối với đo lường mối liên quan, báo cáo giá trị và khoảng tin cậy của hệ số (ví dụ OR).
- Đối với các phân tích chính (mối liên quan chính), cân nhắc việc trình bày các bảng phân tích đầy đủ
- Nêu rõ phần mềm thống kê sử dụng cho việc phân tích số liệu.

#### **9. Trình bày kết quả phân tích tương quan**

- Mô tả mục tiêu phân tích.

- Xác định các biến cần phân tích và trình bày tham số thống kê mô tả của mỗi biến
- Xác định hệ số tương quan được dùng trong phân tích (ví dụ: Pearson, Spearman).
- Chứng minh bộ số liệu phù hợp với các giả định của kiểm định (ví dụ tính chuẩn).
- Nêu rõ ngưỡng alpha ( $\alpha$ ), mức ý nghĩa thống kê được chọn (ví dụ 0,05)
- Trình bày giá trị hệ số tương quan. Không nên kết luận tương quan yếu, trung bình hay cao trừ phi khoảng giá trị của các phân nhóm đã được xác định. Kể cả trong trường hợp này, cần cân nhắc cẩn thận về tính thực tế, ý nghĩa y sinh học và khả năng áp dụng khi sử dụng cách phân nhóm trong báo cáo.
- Đối với các phân tích chính, trình bày khoảng tin cậy (95%) của hệ số tương quan, xác định có ý nghĩa thống kê hay không.
- Đối với các phân tích chính, cân nhắc trình bày biểu đồ chấm rải rác (scatter-plot). Cỡ mẫu, hệ số tương quan (cùng với khoảng tin cậy), và giá trị p có thể được đưa vào trong trình bày số liệu.
- Nêu rõ phần mềm thống kê sử dụng cho việc phân tích số liệu.

#### **10. Trình bày phân tích hồi quy**

- Mô tả mục tiêu phân tích.
- Xác định các biến cần phân tích và trình bày tham số thống kê mô tả của mỗi biến
- Chứng minh bộ số liệu phù hợp với các giả định của kiểm định. Ví dụ, trong hồi quy tuyến tính cần chỉ ra phân tích phần dư của mô hình có phân bố chuẩn.
- Trình bày phương pháp xử lý các số liệu quá lớn hoặc quá nhỏ (outliers) trong phân tích
- Trình bày phương pháp xử lý các số liệu bị thiếu (missing) trong phân tích.
- Trình bày phương trình hồi quy cho cả phân tích hồi qui đơn biến và đa biến.
- Đối với hồi quy đa biến: 1) Trình bày hệ số alpha được dùng trong các phân tích đơn biến để quyết định đưa biến số vào phân tích đa biến; 2) Trình bày xem các biến có được đánh giá về a) *đa cộng tuyến* và b) *tương tác*; và 3) Mô tả quy trình lựa chọn các biến để đưa vào mô hình cuối cùng (ví dụ, forward-stepwise; best subset). Nhiều tác giả quyết định đưa các biến độc lập vào mô hình hồi quy đa biến dựa trên giả thuyết hoặc hiểu biết về ý nghĩa của các biến đó đối với biến phụ thuộc chứ không chỉ hệ số alpha trong phân tích đơn biến. Cần nêu rõ căn cứ lựa chọn biến độc lập vào mô hình hồi quy đa biến.
- Trình bày các hệ số hồi quy (giá trị beta- $\beta$ ) của từng biến độc lập cùng khoảng tin cậy của hệ số hồi qui và giá trị p, tốt nhất nên trình bày dưới dạng bảng. Với hồi

qui tuyến tính có thể đưa ra phương trình tuyến tính.

- Trình bày phương pháp đánh giá tính “phù hợp – goodness-of-fit” của mô hình (hệ số xác định,  $r^2$  cho hồi quy đơn biến và  $R^2$ , cho hồi quy đa biến).
- Trình bày rõ phương pháp kiểm chứng tính giá trị của mô hình.
- Đối với phân tích hồi quy tuyến tính đơn, cân nhắc việc trình bày kết quả bằng biểu đồ scatter plot với đường hồi quy và các giới hạn tin cậy của đường hồi qui. Không nên mở rộng đường hồi quy (hay phiên giải mô hình) vượt quá giá trị lớn nhất và nhỏ nhất của bộ số liệu.
- Nêu rõ phần mềm thống kê sử dụng cho việc phân tích số liệu.

#### **11. Trình bày phân tích phương sai (ANOVA) hay hiệp phương sai (ANCOVA)**

- Mô tả mục tiêu phân tích.
- Xác định các biến cần phân tích và trình bày tham số thống kê mô tả của mỗi biến
- Chứng minh bộ số liệu phù hợp với các giả định của kiểm định (ví dụ tính chuẩn)
- Trình bày phương pháp xử lý các số liệu quá lớn hoặc quá nhỏ (outliers) trong phân tích
- Trình bày phương pháp xử lý các số liệu bị thiếu (missing) trong phân tích.
- Nêu rõ phương pháp kiểm tra tương tác, và phương pháp xử lý tương tác.
- Trình bày giá trị p trong bảng cho từng biến giải thích, các kiểm định thống kê và, bậc tự do của phân tích (nếu phù hợp).
- Cung cấp các tham số về tính phù hợp (goodness-of-fit của mô hình), ví dụ như  $R^2$ .
- Trình bày rõ phương pháp kiểm chứng tính giá trị của mô hình.
- Nêu rõ phần mềm thống kê sử dụng cho việc phân tích số liệu.

#### **12. Trình bày kết quả phân tích sống còn**

- Mô tả mục tiêu phân tích.
- Xác định thời điểm hay sự kiện bắt đầu và kết thúc khoảng thời gian nghiên cứu.
- Xác định các tình huống được cho là mất theo dõi (censored).
- Xác định phương pháp thống kê để tính toán tỷ lệ sống sót.
- Xác nhận giả định của phân tích sống còn là phù hợp
- Với mỗi nhóm, trình bày xác suất sống sót ước tính ở các khoảng thời gian theo dõi, với khoảng tin cậy, số người có nguy cơ và số người tử vong. Thông thường, tính xác suất tử vong tích lũy sẽ tốt hơn, nhất là khi sự kiện nghiên cứu không phổ biến.



- Trình bày trung vị thời gian sống sót, cùng với khoảng tin cậy, thường hữu ích khi so sánh kết quả với các nghiên cứu khác.
- Nên trình bày kết quả bằng biểu đồ (biểu đồ Kaplan-Meier) hoặc bảng.
- Nêu rõ các phương pháp thống kê được sử dụng để so sánh hai hoặc nhiều đường biểu đồ sống còn.
- Khi so sánh 2 hay nhiều đường sống còn bằng kiểm định giả thuyết, trình bày giá trị p của kiểm định.
- Trình bày mô hình hồi quy được sử dụng.
- Trình bày mức độ nguy cơ (tỷ số nguy cơ-HR) cho từng biến giải thích, với khoảng tin cậy tương ứng.
- Nêu rõ phần mềm thống kê sử dụng cho việc phân tích số liệu.

### ***C. NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHUẨN BÁO CÁO NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH***

Nghiên cứu định tính thường được thực hiện nhằm tìm hiểu sâu hơn các trải nghiệm của các cá nhân hay của một nhóm người, các hành vi của họ và bối cảnh xảy ra các hành vi đó. Nghiên cứu định tính trả lời câu hỏi như thế nào? và tại sao? đối với các hiện tượng xã hội. Nghiên cứu định tính tìm hiểu ý nghĩa của các hành vi từ quan điểm của người trong cuộc – tại sao họ lại thực hiện hành vi nào đó, hành vi đó có ý nghĩa thế nào với họ, ảnh hưởng của các yếu tố hoàn cảnh môi trường với các hành vi đó là gì. Để trả lời các câu hỏi này, nhà nghiên cứu sử dụng các cách tiếp cận khác nhau (điền dã dân tộc học, hiện tượng học, lý thuyết nền tảng, nghiên cứu trường hợp...) và các phương pháp khác nhau (phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, quan sát, phân tích tài liệu...) (7).

Các vấn đề về tiêu chí chuẩn trong nghiên cứu định tính luôn có nhiều tranh cãi. Bài viết này nhằm cung cấp một số thông tin cơ bản, sử dụng tiêu chí Chuẩn cho Báo cáo Nghiên cứu định tính (Standards Reporting Qualitative Research - SRQR) bao gồm 21 hạng mục do tác giả Bridget O'Brien và cộng sự tổng hợp. Các hạng mục này được đưa ra nhằm hỗ trợ cho các tác giả viết các bài báo, các biên tập viên, các phản biện trong việc đánh giá một bài báo sử dụng số liệu định tính, và hỗ trợ người đọc trong đánh giá, áp dụng và tổng hợp các kết quả của nghiên cứu định tính. Hơn nữa, chuẩn SRQR được đưa ra cũng nhằm để tăng cường chất lượng của các báo cáo nghiên cứu định tính (8)<sup>3</sup>.

---

<sup>3</sup> Nhóm tác giả: PSG.TS. Hồ Thị Hiền

## 1. Nguyên tắc chung

Tác giả O'Brien đưa ra tiêu chí cần đạt được với các phần khác nhau của báo cáo nghiên cứu định tính. Với báo cáo nghiên cứu định tính, bố cục các phần tiêu chí được đưa ra tương đương với báo cáo định lượng. Cụ thể các yêu cầu trong từng phần được đưa ra và trình bày trong bảng dưới đây (8).

**Bảng 1: Tiêu chí chuẩn cho báo cáo nghiên cứu định tính (SRQR)**

STT	Các phần	Các nội dung yêu cầu của báo cáo
	<b>Tiêu đề và tóm tắt báo cáo</b>	
1	Tiêu đề	Nên mô tả ngắn gọn bản chất và chủ đề của nghiên cứu là nghiên cứu định tính hay chỉ ra cách tiếp cận định tính (như nghiên cứu dân tộc học, lý thuyết nền tảng...) hay phương pháp thu thập số liệu (ví dụ như phỏng vấn, thảo luận nhóm trọng tâm). Ngoài ra, có thể viết trên tiêu đề “kết quả của một nghiên cứu định tính”.
2	Tóm tắt báo cáo	Tóm tắt các yếu tố chính của nghiên cứu, sử dụng mẫu tóm tắt đã được đưa ra với từng ấn phẩm khác nhau. Phần này thường bao gồm đặt vấn đề, mục tiêu, phương pháp, kết quả và kết luận.
	<b>Giới thiệu</b>	
3	Giới thiệu vấn đề	Mô tả và nêu rõ ý nghĩa thực tiễn của vấn đề hay hiện tượng nghiên cứu, đưa ra tổng quan về các lý thuyết và các tài liệu mang tính thực hành liên quan, trình bày vấn đề nghiên cứu (problem statement)
4	Mục đích hoặc câu hỏi nghiên cứu	Mục đích của nghiên cứu và mục tiêu cụ thể hay câu hỏi nghiên cứu
	<b>Phương pháp</b>	
5	Cách tiếp cận định tính và mô thức (paradigm) nghiên cứu	Cách tiếp cận định tính (ví dụ như dân tộc học, lý thuyết nền tảng, nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu trần thuật) và lý thuyết cho nghiên cứu nếu có, xác định mô thức nghiên cứu cũng nên đưa ra, và cơ sở luận chứng cho các cách tiếp cận này <sup>4</sup> .

<sup>4</sup> Mô thức trong nghiên cứu định tính là một tập hợp các giả định được đưa ra để thực hiện nghiên cứu.

STT	Các phần	Các nội dung yêu cầu của báo cáo
6	Đặc điểm của nghiên cứu viên và tư duy phản thân (reflexivity) <sup>5</sup>	Nêu đặc điểm của nghiên cứu viên có thể ảnh hưởng đến nghiên cứu, bao gồm các đặc điểm cá nhân, bằng cấp, kinh nghiệm, mối quan hệ với người tham gia nghiên cứu, các giả định, tương tác giữa các đặc điểm của nghiên cứu viên và câu hỏi nghiên cứu, cách tiếp cận, phương pháp, kết quả và tính rõ ràng, chính xác.
7	Hoàn cảnh	Mô tả địa bàn nghiên cứu, bối cảnh của nghiên cứu và các yếu tố hoàn cảnh đặc biệt của nghiên cứu, và đưa ra cơ sở luận chứng
8	Chiến lược chọn mẫu	Đối tượng nghiên cứu, các văn bản, sự kiện được chọn như thế nào và lý do lựa chọn, các tiêu chí đưa ra để quyết định dừng thu thập số liệu khi nào (ví dụ, tính bão hòa thông tin), và cơ sở luận chứng
9	Các vấn đề đạo đức liên quan đến đối tượng nghiên cứu là con người	Trình bày cách thức thông qua thủ tục đạo đức nghiên cứu bởi một hội đồng đạo đức có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận tham gia nghiên cứu của đối tượng nghiên cứu, các vấn đề bảo mật và bảo đảm an toàn số liệu. Đưa ra giải thích nếu có.
10	Các phương pháp thu thập số liệu	Cách thu thập số liệu, chi tiết về qui trình thu thập số liệu bao gồm ngày bắt đầu và kết thúc thu thập và phân tích số liệu, quá trình tương tác, phương pháp và các thông tin sử dụng để kiểm chứng, sự thay đổi trong quá trình nghiên cứu khi có các vấn đề phát sinh trong quá trình nghiên cứu, và cơ sở luận chứng. Cần chú ý rằng, trong nghiên cứu định tính, nghiên cứu viên được coi là một “công cụ nghiên cứu” do đặc thù của thu thập số liệu định tính đòi hỏi kỹ năng phỏng vấn sâu, trong đó khả năng linh hoạt trong phỏng vấn để khai thác thông tin từ người được phỏng vấn. Trong nghiên cứu định tính thường sử dụng hướng dẫn phỏng vấn sâu bán cấu trúc chứ không dùng bộ câu hỏi như trong

<sup>5</sup> Tư duy phản thân là nhận thức của bản thân nghiên cứu viên trong suốt quá trình nghiên cứu về mối quan hệ của nghiên cứu viên với các hiện tượng nghiên cứu, giúp cho họ có được phân tích khách quan về hiện tượng nghiên cứu.

STT	Các phần	Các nội dung yêu cầu của báo cáo
		nghiên cứu định lượng.
11	Công cụ và kỹ thuật thu thập số liệu	Mô tả công cụ thu thập số liệu (ví dụ hướng dẫn phỏng vấn, bộ câu hỏi, và thiết bị thu thập số liệu (ví dụ như máy ghi âm) sử dụng để thu thập số liệu, cần mô tả chi tiết nếu bộ công cụ thay đổi trong quá trình nghiên cứu
12	Đơn vị nghiên cứu	Số lượng và các đặc điểm liên quan của người tham gia nghiên cứu, các tài liệu sử dụng, hay các sự kiện nghiên cứu, mức độ tham gia của các đơn vị nghiên cứu (có thể mô tả trong phần kết quả)
13	Xử lý số liệu	Các phương pháp xử lý số liệu trước và trong khi phân tích, bao gồm gỡ file/băng phỏng vấn dưới dạng chữ, nhập liệu, quản lý và bảo mật số liệu, kiểm tra tính xác thực của số liệu, mã hóa số liệu, và mã hóa các đoạn trích phỏng vấn để khuyết danh/không nhận diện được
14	Phân tích số liệu	Quá trình xây dựng các chủ đề được mô tả, bao gồm việc các nghiên cứu viên tham gia như thế nào trong quá trình phân tích số liệu, mô thức, cách tiếp cận cụ thể được áp dụng trong phân tích số liệu và đưa ra lý giải cho việc chọn lựa mô thức, cách tiếp cận.
15	Kỹ thuật tăng cường tính chính xác của số liệu	Các kỹ thuật nhằm tăng cường tính chính xác của số liệu và tăng độ tin cậy trong phân tích số liệu (kỹ thuật kiểm tra các thành viên khác (member check), kỹ thuật kiểm chứng bằng nhiều nguồn thông tin (triangulation), và đưa ra lý giải.
	<b>Kết quả nghiên cứu</b>	
16	Tổng hợp và phiên giải	Các kết quả chính (ví dụ: phiên giải kết quả chính, các chủ đề...) có thể kết quả bao gồm xây dựng mô hình hoặc lý thuyết nào đó, hoặc kết quả lồng ghép với nghiên cứu hoặc lý thuyết trước đó <sup>6</sup> .

<sup>6</sup> Khi viết cần thống nhất cách trình bày kết quả phiên giải và trích dẫn số liệu. Chú ý rằng trích dẫn cần có đủ nguồn số liệu (từ đối tượng nghiên cứu nào, hình thức thu thập (phỏng vấn sâu hay thảo luận nhóm...). Chú ý là trích dẫn đưa ra nhằm mục đích minh họa cho nội dung phân tích, vì vậy cần tránh tình trạng chỉ đưa trích dẫn mà không có nội dung phân tích đi kèm hoặc nội dung phân tích quá sơ sài. Định dạng của nội dung phân tích và trích dẫn khác nhau để người đọc có thể dễ dàng phân biệt đâu là trích dẫn, đâu là phần phân tích. Ví dụ về trích dẫn có thể xem bài báo: Maher L, Ho HT. Overdose beliefs and management practices among ethnic Vietnamese heroin users in Sydney, Australia. Harm Reduction Journal. 2009;6(6). <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC2679730/pdf/1477-7517-6-6.pdf>

STT	Các phần	Các nội dung yêu cầu của báo cáo
17	Liên kết với số liệu sẵn có	Các bằng chứng (ví dụ như trích dẫn, nhật ký thực địa, các đoạn trích, hình ảnh) để hỗ trợ cho kết quả nghiên cứu
	<b>Bàn luận</b>	
18	Lồng ghép với các nghiên cứu trước đó, các hệ lụy từ kết quả nghiên cứu, tính rõ ràng của nghiên cứu và đóng góp của nghiên cứu đã thực hiện đối với lĩnh vực nghiên cứu	Tóm tắt kết quả chính, giải thích các kết quả và đưa ra kết luận tương ứng, đưa ra thông tin hỗ trợ, làm rõ hay cung cấp thêm chi tiết phân tích sâu hơn kết quả nghiên cứu, bàn luận về phạm vi áp dụng, tính khái quát hóa của kết quả nghiên cứu, xác định các đóng góp đặc thù của nghiên cứu đã báo cáo vào lĩnh vực nghiên cứu.
19	Hạn chế	Nêu tính tin cậy của số liệu và hạn chế của kết quả nghiên cứu
	<b>Các phần khác</b>	
20	Xung đột lợi ích	Các xung đột lợi ích có thể xảy ra và khả năng ảnh hưởng tới quá trình nghiên cứu và kết luận của nghiên cứu, cách xử trí xung đột
21	Kinh phí thực hiện nghiên cứu	Nguồn kinh phí cho nghiên cứu, vai trò của người tài trợ trong thu thập, phiên giải số liệu và báo cáo kết quả.

## 2. Áp dụng và một số lưu ý với chuẩn báo cáo nghiên cứu định tính

Cần lưu ý rằng 21 tiêu chí đưa ra ở trên chỉ là các tiêu chí cơ bản có thể áp dụng để viết báo cáo nghiên cứu định tính. Để sử dụng tiêu chí SRQR này, các tác giả cần vận dụng linh hoạt với các nội dung nghiên cứu khác nhau. Ví dụ, các tiêu chí này cần được vận dụng phù hợp với yêu cầu của từng ấn phẩm. Các tạp chí chuyên ngành thường có yêu cầu riêng với các ấn bản, vì vậy các nhà nghiên cứu cần bảo đảm các tiêu chí SRQR trong khi vẫn tuân theo các yêu cầu của các tạp chí. Các tác giả cần ưu tiên các tiêu chí phù hợp nhất với nội dung, kết quả, bối cảnh nghiên cứu và người đọc.

Các tiêu chí SRQR không chỉ được áp dụng trong khi viết báo cáo mà còn có thể được sử dụng trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện nghiên cứu. Các tiêu chí này trên thực tế sẽ

giúp cho nhà nghiên cứu có kỹ năng ghi lại chi tiết quá trình nghiên cứu, ví dụ như ghi lại những quyết định, kế hoạch phát sinh trong quá trình thực hiện nghiên cứu. Khi đó, nhà nghiên cứu có thể có đủ các thông tin trước, trong quá trình nghiên cứu, từ đó giúp họ dễ dàng viết báo cáo nghiên cứu vào giai đoạn sau của nghiên cứu, khi đã thu thập và ghi lại các thông tin cụ thể của quá trình nghiên cứu.

Cần lưu ý rằng, trong khuôn khổ bài viết này, nội dung của chuẩn báo cáo nghiên cứu được đưa ra nhằm giúp các nghiên cứu viên có định hướng tốt trong quá trình nghiên cứu và đặc biệt là viết báo cáo. Một số tiêu chí liên quan cũng cần được các nghiên cứu viên tìm hiểu nhằm giúp cho quá trình nghiên cứu được thực hiện đúng tiêu chuẩn. Một ví dụ về tiêu chí chuẩn mà các nghiên cứu viên có thể tham khảo là Bảng kiểm gồm 32 hạng mục đối với phỏng vấn và thảo luận nhóm tập trung (Consolidated criteria for reporting qualitative research (COREQ): a 32-item checklist for interviews and focus groups)

Các bảng kiểm sẽ giúp cho nhà nghiên cứu báo cáo tốt hơn kết quả nghiên cứu của mình. Tuy nhiên cần chú ý rằng, việc đưa ra các bảng kiểm cần phối hợp với các kỹ thuật trong nghiên cứu để đảm bảo thông tin đưa ra có độ tin cậy, tính chính xác. Các kỹ thuật và các nội dung bảo đảm độ tin cậy, tính chính xác của kết quả nghiên cứu có thể được tham khảo ở một số tài liệu khác (10).

#### ***D. NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHUẨN BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TRONG NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH***

Nghiên cứu trường hợp trong nghiên cứu định tính (sau đây gọi tắt là NCTH) là một trong năm tiếp cận của nghiên cứu định tính, bao gồm: trần thuật (Narrative research), hiện tượng học (Phenomenology), lý thuyết nền tảng (Grounded theory research), Nghiên cứu điền dã dân tộc học (Ethnographic research) và Nghiên cứu trường hợp (Case study). Creswell (11) đã giới thiệu chi tiết về năm cách tiếp cận trên trong cuốn “Qualitative inquiry & research design: choosing among five approaches”, tạm dịch “Nghiên cứu định tính & thiết kế nghiên cứu: lựa chọn trong năm cách tiếp cận”. Trong khuôn khổ tài liệu này, chúng tôi chỉ đề cập đến NCTH với mục đích giới thiệu chung về tiếp cận này và trình bày một số lưu ý khi viết báo cáo, bài báo xuất bản sử dụng NCTH trong nghiên cứu KHXH nói chung và y tế công cộng nói riêng<sup>7</sup>.

##### ***1. Giới thiệu***

##### ***\*Định nghĩa***

---

<sup>7</sup> Tác giả: TS Lê Thị Hải Hà

NCTH là một tiếp cận của nghiên cứu định tính được thực hiện nhằm tìm hiểu, khám phá, phát hiện một vấn đề nào đó của một hay nhiều trường hợp trong bối cảnh xã hội cụ thể (11, 12). Tương tự như các nghiên cứu áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính nói chung, NCTH có thể được áp dụng nhằm mục tiêu trả lời các câu hỏi nghiên cứu “*như thế nào?*” và “*tại sao?*” cho các vấn đề nghiên cứu mới hoặc nhà nghiên cứu có ít hiểu biết về vấn đề đó (12). Cụ thể hơn, NCTH định tính có thể được áp dụng khi nhà nghiên cứu muốn có mô tả rõ hơn về *bối cảnh* có liên quan đến vấn đề nghiên cứu (13).

#### **\*Phân loại**

NCTH có thể thực hiện trên một trường hợp (single case), một chương trình, một cộng đồng, một cá nhân, hoặc trên nhiều trường hợp (multiple cases) gồm nhiều chương trình, nhiều cộng đồng với bối cảnh khác nhau, nhiều cá nhân v.v.) để có hiểu biết sâu sắc về một trường hợp/hiện tượng trong bối cảnh của chính trường hợp/hiện tượng đó (đối với single case) hoặc nhằm mô tả, giải thích, so sánh, đánh giá giữa các trường hợp (đối với multiple cases) (12, 14).

#### **\*Kỹ thuật thu thập thông tin trong NCTH**

Nhà nghiên cứu có thể sử dụng nhiều kỹ thuật như quan sát, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, tài liệu thứ cấp v.v để thu thập thông tin và phân tích nhằm có hiểu biết sâu sắc trường hợp nghiên cứu (12, 13).

#### **\* Phân biệt NCTH định tính và NCTH lâm sàng**

Một điểm chú ý là NCTH trong nghiên cứu định tính cần được phân biệt với nghiên cứu trường hợp ca bệnh (case report) rất phổ biến trong y học lâm sàng. Nghiên cứu trường hợp ca bệnh sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng là chủ yếu được thực hiện nhằm báo cáo về (i) một ca bệnh có triệu chứng hoặc mắc bệnh vốn chưa được công bố trong y văn; (ii) ca bệnh có biểu hiện mối liên quan giữa hai bệnh khác nhau mà y văn chưa ghi nhận; (iii) một trường hợp ngoại lai (outlier) với những đặc điểm khác hoàn toàn với những đặc điểm thường nhận thấy trong một bệnh cụ thể; (iii) ca bệnh có phản ứng phụ ngoài dự kiến (15, 16). Người đọc có thể tham khảo chuẩn báo cáo ca bệnh của nhóm tác giả Gagnier, Kienle (17).

### **2. Cấu trúc và các lưu ý khi viết báo cáo nghiên cứu trường hợp định tính**

Hiện chưa có tiêu chí chuẩn cho báo cáo NCTH trong nghiên cứu định tính (11, 13). Điều này có thể lý giải do NCTH định tính có các định hướng mục đích khác nhau như phát triển lý thuyết mới, nghiên cứu sâu một trường hợp, hay so sánh giữa các trường hợp trong những bối cảnh khác nhau (11). Do đó, trong phần này, chúng tôi không đưa ra các tiêu chí chuẩn của báo cáo NCTH, mà chỉ đưa ra gợi ý về cấu trúc và nội dung trong báo cáo NCTH thông qua

tài liệu của Creswell (11) và một số bài báo áp dụng phương pháp NCTH đã được xuất bản trên tạp chí quốc tế (18-21).

### Một số gợi ý về cấu trúc và nội dung trong báo cáo NCTH

Cấu trúc	Nội dung	Ví dụ minh họa
<b>Tiêu đề</b>	Tiêu đề của báo cáo NCTH có thể nêu rõ kiểu loại NCTH được áp dụng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Phản ứng của Trường Đại học sau vụ nổ súng (Campus response to a student gunman) (18)</li> <li>▪ Đời sống người trẻ tuổi: Một phân tích định tính nhiều trường hợp làm bố khi còn trẻ và việc nuôi con bằng sữa mẹ (Complex young lives: a collective qualitative case study analysis of young fatherhood and breastfeeding) (19)</li> <li>▪ Nền tảng quan hệ và sự chuyên nghiệp: Một nghiên cứu trường hợp về thực hành của một giáo viên với những học sinh có kết quả học tập kém (Relational underpinnings and professionalism – a case study of a teacher’s practices involving students with experiences of school failure) (20)</li> <li>▪ Một tiếp cận đa trường hợp về phòng chống căng thẳng nghề nghiệp ở Châu Âu (A multiple case study approach to work stress prevention in Europe) (21)</li> </ul>
<b>Tóm tắt</b>	Tương tự như các báo cáo/bài báo định tính, phần tóm tắt bao gồm các nội dung: Đặt vấn đề, phương pháp, kết quả và kết luận. Trong phần nội dung về phương pháp, tác giả cần	<p>Ví dụ về cách viết tóm tắt phần phương pháp:</p> <p>“Phân tích NCTH sử dụng các thông tin định tính từ phỏng vấn sâu và thảo luận</p>



	trình bày rõ loại NCTH được sử dụng để giới thiệu với người đọc về phương pháp được áp dụng.	nhóm với các ông bố...” (19)
<b>Đặt vấn đề</b>	Xác định vấn đề; ý nghĩa của nghiên cứu; những lập luận về nội dung và phương pháp nghiên cứu để dẫn đến mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu xoay quanh trường hợp được nghiên cứu. Tác giả cần lập luận cho lý do cần thiết sử dụng NCTH; sau đó, cần khẳng định nghiên cứu áp dụng NCTH nhằm trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu cụ thể xoay quanh trường hợp đó.	“Cần thiết có nghiên cứu về những cách thức nhà trường phản ứng đối với bạo lực để hình thành các khung lý thuyết định hướng cho các nghiên cứu tiếp theo cũng như để xác định các chiến lược và kế hoạch hành động của nhà trường trong việc phòng chống bạo lực. Chúng ta cần hiểu rõ hơn các chiều cạnh tâm lý và vấn đề tổ chức liên quan đến và bị ảnh hưởng bởi trường hợp nổ súng này. Một nghiên cứu trường hợp định tính sâu (in-depth qualitative case study) nhằm tìm hiểu bối cảnh xảy ra trường hợp nổ súng này sẽ làm rõ hơn những hiểu biết mang tính lý thuyết. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích trường hợp định tính nhằm mô tả và phiên giải cách nhà trường phản ứng sau vụ nổ súng ở trường học. Một số câu hỏi nghiên cứu được đặt ra: Điều gì đã xảy ra? Những ai đã tham gia ứng phó với trường hợp nổ súng? Những cách thức phản ứng của nhà trường (themes of response) trong 8 tháng qua sau khi vụ nổ súng xảy ra? Những lý thuyết nào có thể giải thích cho cách thức phản ứng của nhà trường và những lý thuyết nào là duy nhất (unique) cho trường hợp này?” (18).
<b>Giới thiệu</b>	Tiếp theo phần đặt vấn đề, tác giả cần mô tả chi tiết về trường hợp nghiên	Xem phần mô tả về sự kiện nổ súng ở trường học và phản ứng của các bên liên

<b>trường hợp nghiên cứu</b>	cứu và bối cảnh xung quanh trường hợp đó. Thông tin được mô tả theo lối mà một người có thể kể lại sau khi trực tiếp chứng kiến/trải nghiệm sự việc, hiện tượng đó. Các thông tin này chưa được kiểm chứng.	quan trọng bài báo của Asmussen and Creswell (18)
<b>Phương pháp nghiên cứu</b>	Trình bày phạm vi nghiên cứu (về thời gian nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, tiêu chí lựa chọn, loại trừ), và thiết kế nghiên cứu, mô thức nghiên cứu (paradigm), phương pháp thu thập thông tin, nội dung thu thập thông tin, và đạo đức nghiên cứu.	“Chúng tôi giới hạn phạm vi của nghiên cứu này chỉ trọng tâm vào phản ứng của các nhóm trong trường học (on-campus) hơn là mở rộng ra các nhóm ngoài trường học (off-campus)... Nghiên cứu này áp dụng thiết kế nghiên cứu trường hợp định tính khám phá (exploratory qualitative case study design)... Dựa trên nền tảng thuyết kiến tạo xã hội (constructionist), nghiên cứu này tích hợp những nguyên tắc mô thức (paradigm assumptions) về thiết kế mở (emerging design), nghiên cứu dựa vào bối cảnh (context-dependent inquiry) và phân tích thông tin qui nạp (inductive data analysis). Chúng tôi cũng giới hạn nghiên cứu này trong thời gian 8 tháng tại một trường đại học... chúng tôi xác định những người quản lý hành chính của nhà trường và các phóng viên của tạp chí sinh viên như nguồn cung cấp thông tin cho phỏng vấn ban đầu... sử dụng phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc tập trung vào 5 nhóm câu hỏi...” (18)
<b>Kết quả</b>	Trình bày các chủ đề (themes) chính phát hiện trong quá trình phân tích thông tin định tính nhằm giúp người	Tham khảo về các chủ đề/themes được xây dựng trong bài báo của Creswell về phản ứng ở trường học sau sự kiện nổ

	đọc hiểu biết sâu sắc về các khía cạnh và bối cảnh của trường hợp.	<p>súng ở trường học.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sự phủ nhận (Denial)</li> <li>• Sợ hãi (Fear)</li> <li>• Sự an toàn (Safety)</li> <li>• Tái dựng hiện trường (Retriggering)</li> <li>• Lập kế hoạch trường học (Campus planning)</li> </ul> <p>(18)</p>
<b>Bàn luận</b>	<p>Lồng ghép, so sánh kết quả rút ra được từ nghiên cứu trường hợp với kết quả của các nghiên cứu khác hay mô hình lý thuyết giải thích về vấn đề nghiên cứu đó.</p> <p>Nhà nghiên cứu đưa ra những biện luận nhằm khẳng định hoặc phủ định các kết quả/lý thuyết có trước dựa trên kết quả của NCTH.</p> <p>Trình bày tóm tắt những hiểu biết mới của nhà nghiên cứu về trường hợp và phân tích khả năng các giả định tự nhiên ban đầu dựa trên những trải nghiệm, suy đoán mang tính cá nhân (được trình bày trong phần giới thiệu trường hợp) đã thay đổi như thế nào qua lăng kính của khái niệm/lý thuyết. Trình bày những hạn chế của NCTH nếu có.</p>	
<b>Kết luận</b>	Tóm tắt kết quả chính của NCTH và những hàm ý của các kết quả nghiên cứu.	<p>Làm bố khi còn trẻ đã mang đến cho những người đàn ông trẻ trong nghiên cứu của chúng tôi một mạng lưới hỗ trợ xã hội và vị thế (a place) trong cộng đồng của họ. Mặc dù những trải nghiệm khi trở</p>

		<p>thành một ông bố trẻ là khó khăn và thách thức, những người đàn ông đánh giá cao việc nuôi con bằng sữa mẹ và trở thành một người cha. Họ nhìn nhận nuôi con bằng sữa mẹ với niềm hi vọng và mong muốn những điều tốt đẹp cho con của mình và hướng tới hỗ trợ cho người bạn đời của mình. Mặc dù những người bố hiểu rằng nuôi con bằng sữa mẹ là sức khỏe nhưng việc này lại không được ưu tiên trong cuộc sống của họ. Việc phát triển sự tự tin, có kiến thức làm cha mẹ và hỗ trợ người bạn đời trong việc nuôi con bằng sữa mẹ thông qua các nhóm hỗ trợ dựa vào cộng đồng của những người cha sẽ rất hiệu quả đối với những người đàn ông trẻ”</p> <p>(19)</p>
--	--	--

### ***3. Lưu ý khi áp dụng chuẩn của nghiên cứu trường hợp định tính***

Trong khi các tiêu chí chuẩn báo cáo cho các loại thiết kế nghiên cứu khác đã được xây dựng (ví dụ, tiêu chí chuẩn của báo cáo nghiên cứu định tính, tiêu chí chuẩn của báo cáo ca bệnh), cho đến nay chưa có chuẩn báo cáo cho NCTH định tính được công bố trên trang web EQUATOR (Enhancing the QUALity and Transparency Of Health Research) (14).

Do đó, cấu trúc và nội dung ở trên chỉ mang tính cơ bản và gợi ý để nhà nghiên cứu tham khảo trong quá trình thiết kế nghiên cứu, thu thập thông tin, xử lý thông tin, viết và trình bày báo cáo NCTH định tính. Cũng cần nói cấu trúc và nội dung trong báo cáo NCTH định tính cần tuân thủ yêu cầu của các nhà tài trợ hoặc theo định dạng của các tạp chí, ấn phẩm xuất bản chuyên ngành. Mặc dù vậy, nhà nghiên cứu cần linh hoạt và sáng tạo trong quá trình viết và trình bày kết quả nghiên cứu bởi sự đa dạng và phong phú của chủ đề nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu trong NCTH định tính. Sự sáng tạo của nhà nghiên cứu cần được dựa trên khung báo cáo chuẩn của nghiên cứu định tính (xem Tiêu chí chuẩn của báo cáo nghiên cứu định tính của (22), quy chuẩn của Bảng kiểm 32 hạng mục đối với phỏng vấn và thảo luận nhóm tập trung (23) và các quy tắc trong nghiên cứu khoa học. Chúng tôi khuyến cáo người

đọc có thể tham khảo các tiêu chí chuẩn cho báo cáo NCĐT nói chung (đã có trên trang web EQUATOR) cùng với các lưu ý này để viết một báo cáo NCTH định tính hoàn chỉnh.

## ***E. NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHUẨN BÁO CÁO PHÂN TÍCH CHI PHÍ DỊCH VỤ Y TẾ***

Tiêu chuẩn báo cáo phân tích chi phí dịch vụ y tế được xây dựng dựa trên 1 số tài liệu quốc tế và quá trình tham khảo một số bài báo khoa học về chi phí dịch vụ y tế tại Việt Nam đã xuất bản trên một số tạp chí khoa học quốc tế có phản biện (24-33)<sup>8</sup>.

Các điểm sau cần được báo cáo chi tiết:

### ***1. Tiêu đề***

Nêu rõ đây là nghiên cứu chi phí dịch vụ y tế, nêu tên dịch vụ y tế được tính toán, địa điểm và thời gian nghiên cứu

### ***2. Tóm tắt***

Viết tóm tắt có cấu trúc, bao gồm các phần chính như bối cảnh, mục tiêu, quan điểm nghiên cứu, địa bàn nghiên cứu, phương pháp tính toán chi phí, kết quả chính và kết luận.

### ***3. Đặt vấn đề và mục tiêu***

- Nêu rõ bối cảnh lý do tiến hành nghiên cứu, thông tin chi phí sẽ được sử dụng như thế nào
- Nêu rõ mục tiêu nghiên cứu, bao gồm thông tin về chi phí cần tính toán (chi phí đầy đủ, tổng chi phí, chi phí trung bình, chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, nêu tên dịch vụ y tế được tính toán, địa điểm và thời gian nghiên cứu)
- Có thể nêu các câu hỏi nghiên cứu

## ***4. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu***

### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu chính là dịch vụ y tế cần tính toán chi phí. Mô tả chi tiết dịch vụ cần tính toán, bao gồm các khái niệm, định nghĩa và quy trình cung cấp dịch vụ được tính toán.

### ***4.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu***

- Mô tả chi tiết địa điểm nghiên cứu
- Nêu rõ thời gian thu thập số liệu

### ***4.3. Thiết kế nghiên cứu***

---

<sup>8</sup>Nhóm tác giả: PGS.TS. Hoàng Văn Minh, TS. Nguyễn Quỳnh Anh, ThS. Nguyễn Thu Hà

- Nghiên cứu chi phí dịch vụ y tế là một dạng thiết kế nghiên cứu kinh tế y tế nên không nhất thiết trình bày về thiết kế nghiên cứu. Không nên dùng từ các thuật ngữ chỉ các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học cho các nghiên cứu chi phí dịch vụ y tế.
- Có thể nêu rõ thiết kế nghiên cứu là nghiên cứu tính toán chi phí dịch vụ y tế được tiến hành tại cơ sở y tế hay tiến hành tại cộng đồng.
- Nghiên cứu chi phí cũng có thể được thực hiện dựa trên nền một nghiên cứu khác như thử nghiệm lâm sàng hay thử nghiệm cộng đồng hoặc số liệu sẵn có. Trong trường hợp này, mô tả về thiết kế của nghiên cứu nền (nghiên cứu gốc) hoặc nguồn số liệu.

#### **4.4. Quan điểm nghiên cứu**

Cần nêu rõ quan điểm nghiên cứu là của người cung cấp dịch vụ y tế, người sử dụng dịch vụ y tế hay của bảo hiểm y tế...

#### **4.5. Khung thời gian phân tích**

Khi tính tổng chi phí của dịch vụ y tế, cần nêu rõ chi phí được tính toán trong bao lâu (trong cả giai đoạn can thiệp, một năm, một tháng, một đợt điều trị...)

#### **4.6. Phạm vi nghiên cứu**

- Nêu rõ các khoản chi phí nào được tính toán như chi phí đầu tư, chi thường xuyên, chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp... Định nghĩa rõ các khoản chi phí đó
- Nêu rõ chi phí kế toán hay chi phí kinh tế được tính toán

#### **4.7. Cỡ mẫu, chọn mẫu**

- Phương pháp “thực dụng” (Pragmatic approach) thường được áp dụng khi tính toán đến cỡ mẫu và chọn mẫu trong nghiên cứu chi phí dịch vụ y tế.
- Trong nghiên cứu chi phí dịch vụ y tế, ít khi cỡ mẫu được tính toán dựa trên một công thức toán học nào đó. Nghiên cứu có cỡ mẫu càng lớn thì có độ chính xác càng cao nên các nhà nghiên cứu cần cân nhắc đến mục tiêu nghiên cứu, ý nghĩa và phạm vi áp dụng của các kết quả nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể dành cho nghiên cứu để xác định cỡ mẫu nghiên cứu phù hợp. Nghiên cứu chi phí dịch vụ y tế có thể chỉ thực hiện tại 1 cơ sở y tế như 1 bệnh viện, tại 1 trung tâm y tế hoặc tại nhiều cơ sở y tế như tại các trạm y tế xã của một huyện... Trong một số nghiên cứu về chi phí dịch vụ cần thu thập số liệu từ bệnh nhân hoặc các hồ sơ bệnh án, một số tác giả thường đưa ra cỡ mẫu tối thiểu cho mỗi nhóm bệnh nhân, nhóm chẩn đoán hoặc bệnh án là 30.
- Trong nghiên cứu chi phí dịch vụ y tế, do cỡ mẫu nghiên cứu thường nhỏ và phụ thuộc vào địa chỉ áp dụng kết quả nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu chủ đích thường được áp dụng. Trong một số trường hợp, chọn mẫu ngẫu nhiên đơn cũng được áp dụng ví

dụ như khi chọn một số trạm y tế xã trong toàn bộ các trạm y tế xã thuộc 1 huyện hoặc chọn ra 1 số bệnh án nghiên cứu trong toàn bộ số bệnh án có trong 1 khoa phòng. Chọn mẫu phân tầng cũng có thể được áp dụng khi các nhà nghiên cứu chia các bệnh viện thành tầng các bệnh viện đa khoa, tầng các bệnh viện chuyên khoa rồi từ đó chọn ra các bệnh viện nghiên cứu (chủ đích hoặc ngẫu nhiên).

#### **4.8. Phương pháp tính toán chi phí**

- Cần nêu rõ phương pháp tính toán chi phí được áp dụng: Phương pháp tính toán chi phí từ dưới lên hay từ trên xuống hay dựa trên hoạt động hay dựa trên phác đồ chuẩn
- Nêu rõ phương pháp phân bổ chi phí gián tiếp (dùng chung) cho các đơn vị trực tiếp cung cấp dịch vụ y tế và tiêu chí phân bổ (nếu nghiên cứu có tính toán cả chi phí gián tiếp).

#### **4.9. Quy trình thu thập số liệu**

- Nêu rõ phương pháp thu thập số liệu là hồi cứu hay tiến cứu
- Nêu rõ các nguồn số liệu có sẵn (cơ sở dữ liệu, sổ sách, báo cáo...) hoặc phương pháp thu thập số liệu sơ cấp như phỏng vấn, quan sát..
- Mô tả rõ ai là người thu thập số liệu, ai là người giám sát quá trình thu thập số liệu
- Mô tả quá trình tập huấn thu thập số liệu, giám sát.
- Mô tả rõ quá trình kiểm tra số liệu và đảm bảo chất lượng số liệu

#### **4.10. Biến số /chỉ số nghiên cứu**

- Mô tả các biến số có trong từng bộ công cụ nghiên cứu. Định nghĩa rõ các biến số
- Định nghĩa rõ các chỉ số được tính toán.
- Nêu rõ nguồn số liệu của các chỉ số/biến số.

#### **4.11. Bộ công cụ nghiên cứu**

- Nêu rõ bộ công cụ nghiên cứu do nhóm nghiên cứu tự thiết kế hay dựa vào bộ công cụ chuẩn nào.
- Nêu rõ quá trình xây dựng và thử nghiệm bộ công cụ nghiên cứu

#### **4.12. Quản lý, xử lý và phân tích số liệu**

- Nêu rõ phần mềm được sử dụng
- Trình bày quy trình quản lý và xử lý số liệu (bao gồm làm sạch số liệu)
- Nêu rõ các chỉ số được tính toán như tổng chi phí, chi phí trung bình, chi phí tăng thêm, chi phí đơn vị
- Nêu rõ đơn vị tiền tệ được sử dụng và thời gian (năm) của các con số được tính toán (số thô hay được hiệu chỉnh về năm nào).

- Nêu rõ các giả định được sử dụng (như thời gian tham gia cung cấp dịch vụ, số lượng sản phẩm...)
- Nêu rõ các tham số được đưa vào tính toán như hệ số chiết khấu, hệ số khấu hao, số năm hữu dụng của tài sản, chỉ số giá tiêu dùng
- Nêu rõ các phương án phân tích độ nhạy

#### **4.13. Sai số và các biện pháp khống chế**

- Nêu rõ các sai số có thể gặp
- Nêu rõ các biện pháp khống chế sai số

#### **4.14. Khía cạnh đạo đức**

- Nêu rõ các vấn đề đạo đức có liên quan
- Nêu rõ nguồn kinh phí thực hiện nghiên cứu

### **5. Kết quả nghiên cứu**

- Trình bày thông tin cơ bản về địa bàn nghiên cứu
- Trình bày thông tin cơ bản về mẫu nghiên cứu như các thông tin chung về cơ sở y tế, bệnh nhân và các đối tượng nghiên cứu khác
- Trình bày kết quả theo mục tiêu, bao gồm 1 số tham số như
  - Tổng chi phí
  - Chi chí trung bình
  - Chi phí tăng thêm
  - Chi phí đơn vị
  - Cơ cấu chi phí
  - Phân tích độ nhạy
  - So sánh chi phí và giá dịch vụ
  - Lưu ý:
    - Nêu rõ chi phí kinh tế hay tài chính được tính toán
    - Nêu rõ đơn vị tiền tệ sử dụng và thời gian (năm) của các con số được tính toán (số thô hay được hiệu chỉnh về năm nào).
- Các phân tích bổ sung khác

### **6. Bàn luận**

- Tóm tắt kết quả nghiên cứu chính theo mục tiêu nghiên cứu
- Giải thích các kết quả, bàn luận về các yếu tố có thể ảnh hưởng đến chi phí (yếu tố làm tăng chi phí, yếu tố làm giảm chi phí).



- So sánh với nghiên cứu trước đây, có thể so sánh quốc tế nhưng cần bàn luận về mức độ tương đồng về phương pháp
- Có thể so sánh với giá của dịch vụ
- Trình bày các bằng chứng khoa học có liên quan khác
- Bàn luận về giá trị sử dụng của kết quả nghiên cứu (trong lập kế hoạch, quản lý, sử dụng trong đánh giá gánh nặng kinh tế, sử dụng trong đánh giá kinh tế y tế...)
- Bàn luận về phương pháp, hạn chế của nghiên cứu về chọn mẫu, cỡ mẫu, tính chính xác và đầy đủ của số liệu, các giả định, phân tích độ nhạy.

## **7. Kết luận**

- Tóm tắt kết quả nghiên cứu chính theo mục tiêu nghiên cứu, lưu ý tính thời điểm của kết quả nghiên cứu về chi phí.
- Cần có câu trả lời cụ thể trong kết luận, dựa trên những bằng chứng khoa học đã thể hiện trong phần kết quả nghiên cứu. Tuy vậy, tránh đưa hết các chi tiết trong phần kết quả vào phần này.
- Tránh việc bàn luận, đưa thêm những suy diễn vào phần kết luận

## **8. Khuyến nghị**

- Phần khuyến nghị cần bám sát các kết luận vừa trình bày ở phần trên.
- Nội dung khuyến nghị cần chỉ rõ là khuyến nghị dành cho ai, với những biện pháp cụ thể nào.
- Tránh việc đưa ra các khuyến nghị tổng quát, chung chung hay đưa ra các khuyến nghị không dựa trên kết luận cụ thể của đề tài, mà dựa trên hiện trạng, bối cảnh thực tế, hay kinh nghiệm cá nhân của tác giả mà không có bằng chứng xác đáng từ nghiên cứu này.

## **F. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Vandenbroucke JP, von Elm E, Altman DG, Gotzsche PC, Mulrow CD, Pocock SJ, et al. Strengthening the Reporting of Observational Studies in Epidemiology (STROBE): explanation and elaboration. *Annals of internal medicine*. 2007;147(8):W163-94.
2. Gallo V, Egger M, McCormack V, Farmer PB, Ioannidis JP, Kirsch-Volders M, et al. Strengthening the reporting of Observational studies in Epidemiology-Molecular Epidemiology (STROBE-ME): an extension of the STROBE statement. *European journal of epidemiology*. 2011;26(10):797-810.
3. Vandenbroucke JP, von Elm E, Altman DG, Gotzsche PC, Mulrow CD, Pocock SJ, et al. Strengthening the Reporting of Observational Studies in Epidemiology (STROBE): explanation and elaboration. *International journal of surgery*. 2014;12(12):1500-24.
4. Fitchett EJ, Seale AC, Vergnano S, Sharland M, Heath PT, Saha SK, et al. Strengthening the Reporting of Observational Studies in Epidemiology for Newborn Infection

- (STROBE-NI): an extension of the STROBE statement for neonatal infection research. *The Lancet Infectious diseases*. 2016;16(10):e202-13.
5. Hale C. Basic statistical reporting for articles published in biomedical journals: classic methods paper. *International journal of nursing studies*. 2015;52(1):4.
  6. Lang TA, Altman DG. Basic statistical reporting for articles published in biomedical journals: the "Statistical Analyses and Methods in the Published Literature" or the SAMPL Guidelines. *International journal of nursing studies*. 2015;52(1):5-9.
  7. Hồ Thị Hiền et al. *Phương pháp nghiên cứu định tính*. tái bản lần thứ hai ed. Hà nội: Nhà xuất bản Lao động Xã hội; 2014.
  8. O'Brien Bea. Standards for reporting qualitative research: a synthesis of recommendations. *Academic Medicine*. 2014;89(9):1245-51.
  9. Maher L, Ho HT. Overdose beliefs and management practices among ethnic Vietnamese heroin users in Sydney, Australia. *Harm Reduction Journal*. 2009;6(6).
  10. Shenton AK. Strategies for ensuring trustworthiness in qualitative research projects. *Education for Information*. 2004;22:63-75.
  11. Creswell JW. *Qualitative inquiry & research design: choosing among five approaches*. Thousand Oaks, California: SAGE Publications; 2013.
  12. Creswell JW, Creswell JW. *Qualitative inquiry & research design: choosing among five approaches*. Thousand Oaks: Sage Publications; 2007.
  13. Baxter P, Jack S. Qualitative case study methodology: Study design and implementation for novice researchers. *The qualitative report*. 2008;13(4):544-59.
  14. Rodgers M, Thomas S, Harden M, Parker G, Street A, Eastwood A. Developing a methodological framework for organisational case studies: a rapid review and consensus development process. *Health Serv Deliv Res*. 2016;4(1).
  15. Gopikrishna V. A report on case reports. *Journal of conservative dentistry : JCD*. 2010;13(4):265.
  16. Huth EJ. *Writing and publishing in medicine*: Williams & Wilkins; 1999.
  17. Gagnier JJ, Kienle G, Altman DG, Moher D, Sox H, Riley D. The CARE guidelines: consensus-based clinical case reporting guideline development. *Journal of medical case reports*. 2013;7(1):1.
  18. Asmussen KJ, Creswell JW. Campus response to a student gunman. *The Journal of Higher Education*. 1995;66(5):575-91.
  19. Ayton J, Hansen E. Complex young lives: a collective qualitative case study analysis of young fatherhood and breastfeeding. *International breastfeeding journal*. 2016;11(1):6.
  20. Frelin A. Relational underpinnings and professionalism – a case study of a teacher's practices involving students with experiences of school failure. *School Psychology International*. 2015;36(6):589-604.
  21. Kompier MA, Cooper CL, Geurts SA. A multiple case study approach to work stress prevention in Europe. *European Journal of Work and Organizational Psychology*. 2000;9(3):371-400.
  22. Hồ HT. *Tiêu chí chuẩn của báo cáo nghiên cứu định tính*. 2017.
  23. Tong A, Sainsbury P, Craig J. Consolidated criteria for reporting qualitative research (COREQ): a 32-item checklist for interviews and focus groups. *International journal for quality in health care*. 2007;19(6):349-57.
  24. Riewpaiboon A, Shin S, Le TP, Vu DT, Nguyen TH, Alexander N, et al. Cost of rotavirus diarrhea for programmatic evaluation of vaccination in Vietnam. *BMC public health*. 2016;16(1):777.
  25. Hoang VM, Tran TA, Ha AD, Nguyen VH. Cost of Hospitalization for Foodborne Diarrhea: A Case Study from Vietnam. *Journal of Korean medical science*. 2015;30 Suppl 2:S178-82.

26. Nguyen H, Ivers R, Jan S, Martiniuk A, Segal L, Pham C. Cost and impoverishment 1 year after hospitalisation due to injuries: a cohort study in Thai Binh, Vietnam. *Injury prevention : journal of the International Society for Child and Adolescent Injury Prevention*. 2016;22(1):33-9.
27. Minh HV, Giang KB, Liem NT, Palmer M, Thao NP, Duong le B. Estimating the extra cost of living with disability in Vietnam. *Global public health*. 2015;10 Suppl 1:S70-9.
28. Vuong DA, Flessa S, Marschall P, Ha ST, Luong KN, Busse R. Determining the impacts of hospital cost-sharing on the uninsured near-poor households in Vietnam. *International journal for equity in health*. 2014;13:40.
29. Hoang Lan N, Laohasiriwong W, Stewart JF, Tung ND, Coyte PC. Cost of treatment for breast cancer in central Vietnam. *Global health action*. 2013;6:18872.
30. Kim JJ, Kobus KE, Diaz M, O'Shea M, Van Minh H, Goldie SJ. Exploring the cost-effectiveness of HPV vaccination in Vietnam: insights for evidence-based cervical cancer prevention policy. *Vaccine*. 2008;26(32):4015-24.
31. Minh HV, Phuong NK, Ozaltin A, Cashin C. Costing of commune health station visits for provider payment reform in Vietnam. *Global public health*. 2015;10 Suppl 1:S95-103.
32. Duong AT, Kato M, Bales S, Do NT, Minh Nguyen TT, Thanh Cao TT, et al. Costing analysis of national HIV treatment and care program in Vietnam. *Journal of acquired immune deficiency syndromes*. 2014;65(1):e1-7.
33. Minh HV, Giang KB, Huong DL, Huong le T, Huong NT, Giang PN, et al. Costing of clinical services in rural district hospitals in northern Vietnam. *The International journal of health planning and management*. 2010;25(1):63-73.